

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 408/2023/HS-PT

Ngày: 15/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Chí Công,

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường,
ông Phạm Tôn.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 288/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Hồ Văn N và các bị cáo khác về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Hồ Văn N, sinh ngày 19/5/1996 tại Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Thanh H và bà Nguyễn Ngọc Đ; gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu; có vợ là Tô Thị Vân T và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 30/12/2021, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Duy P, sinh ngày 22/10/1989 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKNKTT: 1 B, Phường F, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: tổ F, ấp F, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: biết đọc, biết viết; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị H1; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền sự: không; tiền án: năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây

Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án hình sự số 67/2018/HSST ngày 23/8/2018; nhân thân: năm 2008, bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự số 64/2008/HSST ngày 12/5/2008; bị bắt tạm giam ngày 02/5/2020, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 30/4/2001 tại An Giang; nơi ĐKNKTT: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: tổ F, ấp F, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 (đã chết) và bà Trần Thị V; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 02/5/2020, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn N: Ông Thái Quốc V1 - Luật sư Công ty L6 thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy P: Ông Vũ Cát T1 - Luật sư Văn phòng L7 thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ1: Ông Lê Hữu P1 - Luật sư Công ty L8 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2019, Hồ Văn N được Nguyễn Thị Bích T2 đề nghị mở tài khoản ngân hàng bán lại cho T2 với giá 2.500.000 đồng/tài khoản. Thực hiện yêu cầu của T2, N đăng ký mở 10 tài khoản ngân hàng khác nhau và tìm người khác mở tài khoản giao cho T2 để hưởng tiền chênh lệch. Thời gian này, T2 giới thiệu N làm quen với một người Malaysia tên là Jackson L (tên thường gọi là “Trai”, số hộ chiếu A36390561). J thuê căn hộ số 4.38.07 tại tòa nhà L, thành phố Hồ Chí Minh để N và T2 ở và tìm người mở tài khoản giao cho Jackson L. Đến ngày 21/01/2020, T2 bị Công an tỉnh Q khởi tố, bắt giam về hành vi “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Nghĩa lúc này biết việc mở tài khoản cung cấp cho Jackson L là để làm phương tiện nhận tiền lừa đảo chiếm đoạt của người khác bằng hình thức gọi điện thoại giả danh cán bộ của các cơ quan tiến hành tố tụng đe dọa người khác chuyển tiền đến, nhưng N vẫn ở tại căn hộ trên theo yêu cầu của Jackson L và tiếp tục tìm người mở tài khoản ngân hàng giao cho Jackson L tiếp tục nhận tiền lừa đảo.

Thời điểm này, N quen biết Nguyễn Duy P. Sau khi T2 bị bắt thì N tìm gặp P và đề nghị P mở tài khoản ngân hàng bán cho N với giá 2.000.000 đồng/tài khoản và chi hoa hồng cho P. P sử dụng CMND của mình mở nhiều tài

khoản ngân hàng, trong đó có các tài khoản gồm: tài khoản số 1015714568 tại Ngân hàng S1, tài khoản số 1444441168 tại Ngân hàng A2, tài khoản số 19035524218010 tại Ngân hàng T12; tài khoản số 703015849003 tại Ngân hàng M và liên hệ nhiều người như Giang Quốc L1, Cao Thị Thúy H3, Nguyễn Văn H4, Bùi Văn H5, Huỳnh Ngô Tuấn K, Phạm Thị Thanh T3, Võ Thị Hồng H6, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Cẩm V2, Mai Thị Tài L2 mở tài khoản rồi đưa thẻ ATM và số điện thoại đăng ký dịch vụ internet banking cho P để P cung cấp cho N. Cũng thời điểm này, do không có việc làm, Nguyễn Văn Đ1 - là bà con bên vợ của P đến ở chung nhà do vợ chồng P thuê tại tổ F, ấp F, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày đều do P lo. Đầu tháng 02/2020, P nói Đ1 mở tài khoản ngân hàng đưa cho P. P đưa danh sách 10 ngân hàng và tiền để làm phí mở tài khoản, Đ1 tự đi mua sim điện thoại để đăng ký internet banking SMS kết nối với các tài khoản, mỗi tài khoản Đ1 được hưởng 1.000.000 đồng. Đ1 sử dụng CMND của mình và dùng sim điện thoại số 0764047362 đăng ký mở 10 tài khoản theo yêu cầu của P, trong đó có tài khoản số 03508510101 tại Ngân hàng T13; 1010170757008 tại Ngân hàng M. Sau khi mở tài khoản, Đ1 đưa thẻ ATM và sim điện thoại 0764047362 cho P giữ và được P trả tổng cộng 10.000.000 đồng.

Sau khi có các tài khoản thì P gửi mã OTP đăng ký dịch vụ Internet banking cho N để nhận và chuyển tiền qua các tài khoản này. Các thẻ ATM và số điện thoại đăng ký Phương giữ để nhận mã OTP do ngân hàng gửi đến khi phát sinh các giao dịch chuyển khoản. Khi các tài khoản này nhận tiền do bị hại chuyển đến, P thông báo cho N để N đặt lệnh chuyển tiền, khi Ngân hàng gửi mã OTP đến số điện thoại của P thì P chụp các mã này gửi qua zalo cho N để N nhập mã xác thực và hoàn thành giao dịch chuyển khoản.

Ngày 15/3/2020, N sang Malaysia để làm việc cho Jackson L. Tại Malaysia, các đối tượng người Malaysia và N sử dụng các tài khoản trong đó có tài khoản do P cung cấp để nhận và chuyển tiền lừa đảo chiếm đoạt được của các bị hại.

Ngày 06/4/2020, Cao Thị Thúy H3 - là một trong số đối tượng mở tài khoản bán cho P gọi điện cho P thông báo về việc khi H3 đến Ngân hàng O hủy tài khoản theo yêu cầu của P thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H triệu tập làm việc vì tài khoản này có liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. P dặn H3 không khai báo địa chỉ của P đồng thời thông báo cho N biết. N yêu cầu P xóa hết các tin nhắn trên zalo và dọn đến căn hộ số 4.38.07 tòa nhà L để trốn. P đến đây ở khoảng 6 ngày, khi thấy không bị Cơ quan Công an triệu tập làm việc thì P quay về lại nhà và tiếp tục tìm người mở tài khoản, gửi mã OTP các tài khoản có phát sinh giao dịch chuyển tiền đến cho N để N nhập mã xác thực và hoàn thành giao dịch chuyển khoản các khoản tiền chiếm đoạt của bị hại.

Khoảng tháng 4/2020, sau khi N thực hiện chuyển hết số tiền chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Viết P2 chuyển đến tài khoản của Đ1 sang tài khoản khác, P yêu cầu Đ1 đến Ngân hàng hủy thẻ, đóng tài khoản. Đ1 chỉ hủy được tài khoản tại các ngân hàng T12, V4, M1 và O1 và rút số tiền còn lại trong tài khoản

1.165.000 đồng sử dụng cá nhân. Riêng hai tài khoản tại Ngân hàng M và V5, khi Đ1 đến liên hệ đóng thì nhân viên ngân hàng thông báo các tài khoản này đang thực hiện giao dịch vi phạm pháp luật và cơ quan Công an đang điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đóng được. Đ1 kể lại sự việc cho P nghe nhưng vẫn tiếp tục để P sử dụng các tài khoản này để sử dụng vào việc nhận và chuyển tiền lừa đảo.

Sau khi Nguyễn Duy P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ khởi tố, bắt giam thì khoảng tháng 9/2020, N tiếp tục liên hệ với Từ Linh Ngọc Y để yêu cầu Y mở tài khoản và tìm người mở tài khoản để giao N để N cung cấp cho Jackson L. Y liên hệ Nguyễn Hoàng S yêu cầu S mở 10 tài khoản ngân hàng khác nhau giao cho N, trong số này có các tài khoản số 19036123641014 tại Ngân hàng T12 và số 0044100008005003 tại Ngân hàng TMCP P9 đứng tên Nguyễn Hoàng S được sử dụng để nhận tiền lừa đảo chiếm đoạt của bị hại.

Qua điều tra xác định thủ đoạn chiếm đoạt tài sản của các bị hại được các đối tượng thực hiện như sau: đối tượng gọi điện cho bị hại, thông báo nợ tiền thẻ tín dụng, tiền ngân hàng, cước điện thoại. Khi bị hại nói không liên quan thì được đối tượng thông báo bị hại có liên quan đến vụ án rửa tiền do Bộ C2 đang điều tra và nói máy để bị hại gặp cán bộ điều tra. Người xưng là cán bộ điều tra thông báo cho bị hại về việc họ đang bị tình nghi liên quan đến vụ án, để phục vụ việc điều tra và chứng minh không liên quan, bị hại phải mua điện thoại mới có truy cập mạng internet, gắn sim để liên lạc. Sau đó đối tượng tiếp tục yêu cầu bị hại mở tài khoản tại ngân hàng, đăng ký dịch vụ internet banking, nộp tiền vào các tài khoản này. Khi bị hại thực hiện xong việc nộp tiền vào tài khoản, đối tượng hướng dẫn bị hại tải và cài đặt ứng dụng có logo “Bộ C2” và kích hoạt vào ứng dụng này, nhập thông tin tài khoản thẻ ngân hàng, số điện thoại, mật khẩu Ipay, số chứng minh nhân dân. Sau khi bị hại thực hiện đầy đủ các bước như yêu cầu thì toàn bộ khoản tiền có trong tài khoản của các bị hại bị chuyển sang các tài khoản do đối tượng quản lý, trong đó có tài khoản do P, Đ1 và các đối tượng được P thuê mở hoặc yêu cầu bị hại trực tiếp nộp tiền vào các tài khoản ngân hàng do đối tượng chỉ định rồi chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định từ tháng 3/2020 đến ngày 30/11/2020, bằng thủ đoạn như trên, các bị can đã nhận và chiếm đoạt tiền của các bị hại như sau :

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt của bà Trần Thị Phương C số tiền 545.050.000 đồng:

Vào ngày 01/3/2020, số thuê bao 02703870603 điện thoại bàn của bà C nhận được điện thoại của một người phụ nữ xưng tên Lê Thị Yến N1 là nhân viên Bưu chính TP Hồ Chí Minh thông báo về việc bà C mở tài khoản số 4203832451248286 tại Ngân hàng S2 chi nhánh H10 có chi số tiền 36.866.000 đồng đã quá hạn và Ngân hàng yêu cầu thanh toán. Bà C nói không có mở tài khoản này thì được giải thích có người đánh cắp thông tin cá nhân của bà để mở tài khoản và chuyển máy cho Điều tra viên ở Cục Đ3. Sau khi thực hiện theo các yêu cầu của người này, toàn bộ số tiền 545.050.000 đồng có trong tài khoản đứng tên bà C số 109871325217 tại Ngân hàng V5, đăng ký dịch vụ Ipay qua số điện thoại 0815367706 bị đối tượng chuyển sang tài khoản khác rồi chiếm đoạt.

Qua sao kê các tài khoản ngân hàng có liên quan xác định số tiền trong tài khoản bà C được chuyển trực tiếp đến các tài khoản số 0013100013381007 tại Ngân hàng O mang tên Ngô Thị Ý, tài khoản số 1015714568 tại Ngân hàng S1 mang tên Nguyễn Duy P và tài khoản số 0501000015151 tại Ngân hàng V4 mang tên Mai Thị Tài L2. Sau đó số tiền này tiếp tục được chuyển lòng vòng qua các tài khoản gồm: Tài khoản số 03454005201 tại Ngân hàng T14 mang tên Hồ Văn T4, Tài khoản số 19035524305010 tại Ngân hàng T12 mang tên Ngô Thị Ý, tài khoản số 1444441168 tại Ngân hàng A2 mang tên Nguyễn Duy P, tài khoản số 1902845781702 tại Ngân hàng T12 mang tên Vũ Quang V3, tài khoản số 19028801394011 tại Ngân hàng T12 mang tên Phạm Sơn T5, tài khoản số 19032469593037 tại Ngân hàng T12 mang tên Nguyễn Văn L3, tài khoản số 19131546686688 tại Ngân hàng T12 mang tên Đặng Văn P3, tài khoản số 19034426744018 tại Ngân hàng T12 mang tên Trần Thế P4 và tài khoản số 0111000324603 tại Ngân hàng V4 mang tên Nguyễn Hoàng G.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn P5 số tiền 500.000.000 đồng:

Vào ngày 18/3/2020, đối tượng sử dụng điện thoại số +800692342593 gọi đến điện thoại bàn của ông P5 số 0270382833, giới thiệu là nhân viên Bưu điện V6 thông báo ông P5 có thư mời liên quan đến vụ án rửa tiền và chuyển máy cho gặp người tự xưng tên là H1 - điều tra viên Công an H11. Người này yêu cầu ông P5 mua điện thoại loại Sam sung có kết nối internet để phục vụ điều tra và kiểm kê tài sản và mở tài khoản số 73010000193178 Ngân hàng B1 đăng ký dịch vụ internet banking qua số điện thoại 0817566429. Sau khi ông Phước t và truy cập vào ứng dụng có lô gô của Bộ C2 thì toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng có trong tài khoản số 73010000193178 bị đối tượng chuyển sang tài khoản khác rồi chiếm đoạt.

Qua sao kê các tài khoản ngân hàng có liên quan xác định số tiền trong tài khoản ông P5 được chuyển trực tiếp đến các tài khoản gồm: Tài khoản số 703015849003 tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Văn P6, tài khoản số 03461062501 tại Ngân hàng T14 mang tên Mai Thị Tài L2. Sau đó từ các tài khoản trên, tiền được chuyển lòng vòng qua các tài khoản gồm: Tài khoản số 19035524218010 tại Ngân hàng T12 mang tên Nguyễn Duy P, tài khoản số 19028801394011 tại Ngân hàng T12 mang tên Phạm Sơn T6, tài khoản số 19034660450011 tại Ngân hàng T12 mang tên Nguyễn Thị C1, tài khoản số 19032945951036 tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Việt L4, tài khoản số 19033864547016 tại Ngân hàng T12 mang tên Nguyễn Đức H7, tài khoản số 19022939137911 tại Ngân hàng T12 mang tên Trần Thị Xuân P7, tài khoản số 618704060032922 tại Ngân hàng V7 mang tên Nguyễn Quyết T7, tài khoản số 0111000324603 tại Ngân hàng V8 mang tên Nguyễn Hoàng G, tài khoản số 19034450767010 tại Ngân hàng T12 mang tên Nhân Hải A; tài khoản số 06300014102009 tại Ngân hàng S3 (chưa rõ tên chủ tài khoản) và tài khoản số 618704060023481 tại Ngân hàng V7 mang tên Mai Thị T8.

Vụ thứ ba: Chiếm đoạt của ông Nguyễn Việt P2 số tiền 3.200.000.000 đồng:

Khoảng 10 giờ ngày 17/4/2020, ông Nguyễn Viết P2 nhận được điện thoại của một người xưng là nhân viên Bưu chính viễn thông yêu cầu thanh toán khoản chi tiêu của thẻ tín dụng trả sau trị giá 36.866.000 đồng mang tên ông cho Ngân hàng TMCP S2 - chi nhánh H10. Khi ông nói không sử dụng thẻ tín dụng thì được hướng dẫn liên hệ số điện thoại đường dây nóng của Bộ C2 số 0693 187 797, 0692 342 593 gặp người xưng là đại tá T9 - Phó Trưởng phòng Cơ quan CSĐT - Bộ C2. Sau khi đối tượng hướng dẫn, ông P2 mua mua 1 điện thoại mới, lắp sim đang dùng vào, cài đặt 3G và chuyển số tiền ông gửi tại 03 ngân hàng M, V9 và A3 chuyển vào tài khoản mang tên ông P2 số 3010117111004 tại Ngân hàng M. Sau khi ông thực hiện theo hướng dẫn kích hoạt vào ứng dụng có logo Bộ C2 và nhập các thông tin tài khoản thì số tiền 3.200.000.000 đồng có trong tài khoản số 3010117111004 bị đối tượng chuyển sang các tài khoản khác rồi chiếm đoạt.

Qua việc yêu cầu Ngân hàng cung cấp sao kê các tài khoản nhận tiền, Cơ quan CSĐT Công an T xác định số tiền trong tài khoản số 3010117111004 mang tên Nguyễn Viết P2 tại Ngân hàng M được chuyển trực tiếp vào các tài khoản gồm: tài khoản số 1010170757008 tại Ngân hàng M mang tên Nguyễn Văn Đ1, tài khoản số 03508510101 tại Ngân hàng T14 mang tên Nguyễn Văn Đ1, tài khoản số 107871352675 tại Ngân hàng V10 mang tên Nguyễn Đức D, sau đó tiền tiếp tục được chuyển lòng vòng qua các tài khoản gồm: tài khoản số 673515888 tại Ngân hàng A2 mang tên Mai Thị Tài L2, tài khoản số 19032765539031 tại Ngân hàng T12 mang tên Phan Hữu P8 và từ tài khoản này chuyển sang tài khoản số 1500200410001, 19035797797018 (chưa rõ tài khoản này thuộc ngân hàng nào).

Vụ thứ bốn: Chiếm đoạt của bà Ngô Thị Kim A1 số tiền 850.000.000 đồng:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 29/11/2020, bà Ngô Thị Kim A1 nhận được điện thoại gọi vào số điện thoại của bà 0 xưng tên Nguyễn Văn K1 là nhân viên của mạng Viễn thông Vinaphone thông báo nợ cước điện thoại số tiền 8.950.000 đồng và dọa nếu không thanh toán sẽ báo Công an. Khi bà Kim A1 nói không sử dụng mạng Vinaphone thì người này nói nhờ Công an H11 giải quyết. Sau đó, có người xưng là Lê Trung H8 - làm việc tại Cục Q về trật tự xã hội Công an H11 gọi điện cho bà Kim A1, thông báo bà liên quan đến vụ án rửa tiền, đã bắt được đối tượng tên Nguyễn Văn L5 và người này khai có nhờ tài khoản của bà để chuyển số tiền 10.000.000.000 đồng, trả công cho bà 200.000.000 đồng tiền thuê tài khoản. Do đó, Công an H11 sẽ có lệnh bắt giam bà 03 tháng để điều tra. Bà Kim A1 nói bị oan thì H8 nói sẽ giúp bà tại ngoại bằng cách đặt tiền để bảo lãnh. Sáng ngày 30/11/2020, H8 gọi điện thông báo giao vụ việc cho cấp trên Nguyễn Văn H9 - là Trung tá giải quyết. Sau đó, bà Kim A1 nhận được điện thoại của người xưng tên H9 yêu cầu bà chuyển tiền vào các tài khoản do H9 cung cấp. Bà Kim A1 chuyển nhiều lần tiền tổng cộng 850.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 30/11/2020 chuyển vào tài khoản mang tên Nguyễn Văn Đ1 số 19035817139018 tại Ngân hàng T12 số tiền 140.000.000 đồng; chuyển vào tài

khoản số 19036123641014 tại Ngân hàng T12 mang tên Nguyễn Hoàng S số tiền 270.000.000 đồng; chuyển vào tài khoản số 0044100008005003 tại Ngân hàng TMCP P9 (O) mang tên Nguyễn Hoàng S số tiền 180.000.000 đồng.

- Ngày 01/12/2020, chuyển vào tài khoản mang tên Nguyễn Văn Đ2 số 19035817139018 tại Ngân hàng T12 số tiền 260.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền 04 bị hại bị chiếm đoạt là 5.095.050.000 đồng (năm tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng).

Trong đó, Hồ Văn N tham gia 04 vụ, chiếm đoạt số tiền 5.095.050.000 đồng; Nguyễn Duy P tham gia 03 vụ, chiếm đoạt số tiền 4.245.050.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 tham gia 01 vụ, chiếm đoạt số tiền 3.200.000.000 đồng.

Các tài khoản nhận tiền chiếm đoạt của các bị hại, N giao cho đối tượng Jackson L. N được phân công nhiệm vụ sử dụng các tài khoản nhận tiền chiếm đoạt, sau đó dùng đầu tư mua đồng tiền kỹ thuật số USDT, chuyển vào ví điện tử cho Jackson L và được J trả công 2.407.509.263 đồng. Số tiền này N chuyển vào tài khoản mang tên Thái Minh T10 số 19035007165012 tại Ngân hàng T12.

Tang tài vật thu giữ: Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của P và Đ1 tại tổ F, ấp F, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thu giữ các tang, tài vật gồm

- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ1:

+ 01 (Một) ĐTDĐ Sam sung Galaxy J2 Số Imel: 351556090466320. Gắn Sim 0932697962; 0965219500.

+ 01 (Một) thẻ ATM Ngân hàng S4 số thẻ 9704400301160290546.

- Thu giữ của Nguyễn Duy P:

+ 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 6 số Imel: 35668008119403, gắn 01 sim số 0764047362.

+ 01 (Một) ĐTDĐ Sam sung A7 số Imel: 353465103544209; 353466103544207. Gắn 2 sim: 0932700652; 0906126321.

- Thu giữ tại nơi ở của P và Đ1:

+ 01 (Một) thẻ Ngân hàng A3 Nguyễn Duy P số thẻ: 9704050986822232.

+ 01 (Một) thẻ Ngân hàng A2 Nguyễn Duy P số thẻ 3577030002524225.

+ 09 (Chín) thẻ Ngân hàng mang tên Nguyễn Văn Đ1.

+ 12 (Mười hai) thẻ Ngân hàng mang tên Giang Quốc L1.

+ 10 (Mười) thẻ Ngân hàng mang tên Cao Thị Thúy H3.

+ 07 (Bảy) thẻ Ngân hàng mang tên Nguyễn Văn H4.

+ 07 (Bảy) thẻ Ngân hàng mang tên Bùi Văn H5.

+ 09 (Chín) thẻ Ngân hàng mang tên Huỳnh Ngô Tuấn K.

+ 08 (Tám) thẻ Ngân hàng mang tên Phạm Thị Thanh T11.

- + 09 (Chín) thẻ Ngân hàng mang tên Võ Thị Hồng H6.
- + 07 (Bảy) thẻ Ngân hàng mang tên Nguyễn Thị B.
- + 08 (Tám) thẻ Ngân hàng mang tên Nguyễn Thị Cẩm V2.
- + 01 (Một) thẻ Ngân hàng mang tên Mai Thị Tài L2.
- + 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 6 Imel: 354445060099255, gắn sim 0902769657.
- + 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 6 Imel: 354429062128338 không gắn sim.
- + 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 6.
- + 01 (Một) ĐTDĐ Iphone 6 Imel: 354427066708667.
- Tạm giữ của Hồ Văn N:
- + Số tiền 2.407.509.263 đồng có trong tài khoản mang tên Thái Minh T10 số 19035007165012 tại Ngân hàng T12;
- + 02 ĐTDĐ Iphone 7 plus màu đen.
- + 01 ĐTDĐ Iphone X màu trắng;
- + 01 ĐTDĐ Iphone 6 màu hồng;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 16/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 4 điều 290; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Duy P 16 năm tù về tội *“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/5/2020.

- Áp dụng điểm a khoản 4 điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn Đ1 13 năm tù về tội *“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/5/2020.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 128/2022/HS-PT ngày 07/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 08/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hồ Văn N 17 (mười bảy) năm tù về tội *“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”*. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 30/12/2021.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Duy P 16 (mười sáu) năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/5/2020.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn Đ1 13 (mười ba) năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/5/2020

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 13, 17 và 21/5/2023, các bị cáo Nguyễn Duy P, Hồ Văn N và Nguyễn Văn Đ1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo, với lý do mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giảm hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Vào các ngày 13, 17 và 21/05/2023, Nguyễn Duy P, Hồ Văn N và Nguyễn Văn Đ1 có Đơn kháng cáo gửi Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Đơn kháng cáo của các bị cáo được Trại tạm giam thuộc Công an thành phố Đ xác nhận. Theo quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2020 đến ngày 30/11/2020, dưới sự chỉ đạo của đối tượng người Malaysia có tên Jackson L, Hồ Văn N, Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ1 đã tự mình hoặc thuê người khác mở nhiều tài khoản tại các ngân hàng giao cho Jackson L để nhận tiền lừa đảo chiếm đoạt của nhiều người

thông qua mạng máy tính, mạng viễn thông và phương tiện điện tử. N còn được phân công nhiệm vụ sử dụng tiền chiếm đoạt được trong các tài khoản để đầu tư mua tiền kỹ thuật số USDT, chuyển vào ví điện tử cho Jackson L và được J trả công 2.407.509.263 đồng. Số tiền này N chuyển vào tài khoản mang tên Thái Minh T10 số 19035007165012 tại Ngân hàng T12. Kết quả điều tra cho thấy có 04 bị hại bị các đối tượng dùng thủ đoạn nêu trên để lừa đảo chiếm đoạt tổng cộng 5.095.050.000 đồng (năm tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó Hồ Văn N tham gia cả 04 vụ, chiếm đoạt số tiền 5.095.050.000 đồng; Nguyễn Duy P tham gia 03 vụ, chiếm đoạt số tiền 4.245.050.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 tham gia 01 vụ, chiếm đoạt số tiền 3.200.000.000 đồng. Hồ Văn N thu lợi bất chính số tiền 2.407.509.263 đồng; Nguyễn Duy P thu lợi bất chính số tiền 60.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 thu lợi bất chính số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Hồ Văn N, Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ1 đều về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Các bị cáo đều là người thực hành tích cực, sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để lừa đảo chiếm đoạt số tiền rất lớn (trong đó Hồ Văn N tham gia cả 04 vụ, chiếm đoạt số tiền 5.095.050.000 đồng; Nguyễn Duy P tham gia 03 vụ, chiếm đoạt số tiền 4.245.050.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 tham gia 01 vụ, chiếm đoạt số tiền 3.200.000.000 đồng) là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hồ Văn N và bị cáo Nguyễn Duy P thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Duy P và bị cáo Nguyễn Văn Đ1 chưa bồi thường và chưa nộp tiền thu lợi bất chính; bị cáo Hồ Văn N bị tạm giữ số tiền 2.407.509.263 đồng trong tài khoản ngân hàng để bảo đảm thi hành án. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt Hồ Văn N 17 năm tù, Nguyễn Duy P 16 năm tù và Nguyễn Văn Đ1 13 năm tù đều về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để xem xét.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn N, Nguyễn Duy P và Nguyễn Văn Đ1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn N, Nguyễn Duy P, Nguyễn Văn Đ1 phạm tội *“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”*.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Hồ Văn N 17 (mười bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 30/12/2021).

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Nguyễn Duy P 16 (mười sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 02/5/2020).

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Nguyễn Văn Đ1 13 (mười ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 02/5/2020).

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc Hồ Văn N, Nguyễn Duy P, Nguyễn Văn Đ1 phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam, CA thành phố Đà Nẵng
(04 bản để giao cho mỗi bị cáo 01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công